TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2022/DS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Trần Ngọc Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 119/2021/TLST-DS ngày 14/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 22/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-DS ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1937; địa chỉ: Đường C, Phường X, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Dương Thị Tr, sinh năm 1960, địa chỉ: Đường Y, Khu phố M, phường P, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

+ Ông Đinh Duy Quốc T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường Y, Khu phố M, phường P, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị Diễm Tr1 (Tên gọi khác Tr2), sinh năm 1974. Địa chỉ: Đường C, Phường X, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Người làm chứng: Ông Lê D, sinh năm 1945. Trú tại: Khu phố V, phường PL, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Lê T trình bày: Ông cho bị đơn Dương Thị Tr mượn tiền, vàng,

cụ thể như sau: Ngày 25/4/2020 mượn 02 (Hai) chỉ vàng 9999; Ngày 03/5/2020 mượn số tiền 41.000.000 đồng và 15 (Mười lăm) chỉ vàng 9999; cùng trong ngày này mượn tiếp 5.000.000 đồng và 03 (Ba) chỉ vàng 9999; Ngày 18/5/2020 viết giấy mượn ghi cụ thể các ngày mượn gồm: (Ngày 03/5/2020 mượn 10.000.000 đồng, ngày 15/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 16/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 10/5/2020 mượn 02 (Hai) chỉ vàng 9999; 18/5 mượn 10.000.000 đồng); Ngày 19/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 21/5/2020 mượn 01 (Một) chỉ vàng y 9999; Ngày 31/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 31/5/2020 mượn 13.000.000 đồng.

Tổng số tiền và vàng bà Tr đã mượn là 23 (Hai mươi ba) chỉ vàng y 9999 và 99.000.000 đồng. Tại đơn kiện, ông T yêu cầu bà Tr trả 66.000.000 đồng, nhưng nay xác nhận lại là 99.000.000 đồng. Các giấy tờ thể hiện số tiền này, bà Tr viết giấy nhận nợ, bà Phạm Thị Diễm Tr1(Tr2) làm chứng. Khi mượn tiền hai bên có thỏa thuận trả lãi theo ngân hàng, nhưng bà Tr không trả. Chỉ có hai lần bà Tr nhờ ông Lê D đưa cho ông T , mỗi lần 2.000.000 đồng. Nay ông đồng ý trừ 4.000.000 đồng này vào số tiền gốc bà Tr nợ ông. Do đó, yêu cầu bà Tr phải trả số tiền gốc là 95.000.000 đồng.Về thời gian tính lãi và lãi suất đối với số tiền 95.000.000 đồng: Ông T yêu cầu bà Trang phải trả lãi theo lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa cho đến khi trả nợ xong.

Đối với 23 (Hai mươi ba) chỉ vàng 9999, yêu cầu bà Tr phải trả số vàng đã mượn, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với 4 chỉ vàng y 9999 ngày 14/5/2020, bà Tr và ông Đinh Duy Quốc T1 là con ruột bà Tr cùng mượn. Ngày 08/4/2022, bà Tr đem trả cho ông T được 3 chỉ vàng, sau đó trả thêm 1 chỉ vàng nữa. Tổng cộng là 4 chỉ vàng 9999. Do đó, ông xin rút không khởi kiện ông Đinh Duy Quốc T1 và bà Dương Thị Tr đối với số vàng này nữa.

*Bị đơn Dương Thị Tr trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng với ông Lê T. Qua bà Phạm Thị Diễm Tr1 giới thiệu, bà biết ông Lê T cho vay tiền. Bà đến gặp ông T hỏi vay tiền và vàng. Số vàng và tiền còn nợ đúng như ông T trình bày là 27 chỉ vàng và 99.000.000 đồng, mỗi lần mượn tiền hay vàng bà Trang đều ghi giấy nhận nợ cho ông Lê T. Từ dịch Covid-19 đến nay, bà trả ông T được 4.000.000 đồng, nhờ ông Lê D đem tới nhà cho ông T , số tiền này đề nghị ông T trừ vào tiền gốc cho bà. Ngày 08/4/2022, bà và Đinh Duy Quốc T1 đã trả được 03 chỉ vàng, sau đó trả tiếp 01 chỉ vàng. Do đó, bà còn nợ 23 chỉ vàng và 95.000.000 đồng. Ông T yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 95.000.000 đồng là 10%/năm thì bà chấp nhận trả lãi, thời gian tính lãi từ ngày ông T khởi kiện ra Tòa thì bà đồng ý. Bà đề nghị trả nợ hàng tháng 5.000.000 đồng cho nguyên đơn cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Dương Thị Tr có đơn xin giảm án phí do là người cao tuổi trên 60 tuổi.

*Bị đơn Đinh Duy Quốc T1 trong thời gian Tòa án triệu tập đều vắng mặt

nên không có lời trình bày.

*Người làm chứng bà Phạm Thị Diễm Tr1 (Bà Tr2) trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng với ông T và bà Dương Thị Tr. Ông T là hàng xóm của bà. Bà biết ngày 15/4/2020, bà Tr mượn 2 chỉ vàng, ngày 03/5/2020 mượn số tiền 41.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999; cùng trong ngày này mượn tiếp 5.000.000 đồng và 03 (Ba) chỉ vàng 9999; Ngày 03/5/2020 mượn 10.000.000 đồng; Ngày 15/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 16/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 10/5/2020 mượn 02 (Hai) chỉ vàng 9999 và 10.000.000 đồng; Ngày 19/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; Ngày 21/5/2020 mượn 01 (Một) chỉ vàng y 9999. Ngày 14/5/2020 bà Tr mượn 4 chỉ vàng 9999; ngày 31/5/2020 mượn 5.000.000 đồng thì bà không biết. Mỗi lần mượn tiền thì bà Dương Thị Tr đều điện thoại cho ông T để trao đổi, thống nhất số tiền mượn. Khi có bà Tr, ông T thì bà làm chứng, bà Dương Thị Tr viết xong giấy mượn tiền thì nói bà nhận giùm cho bà. Những gì bà biết cam đoan là khai đúng sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình. Bà bận công việc nên khó có thể tham gia phiên tòa nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

*Người làm chứng ông Lê D trình bày: Ông làm nghề sửa xe, ở nhờ hiên nhà của bà Dương Thị Tr tại số X, đường T, Phường K, thành phố T, Phú Yên. Ông với bà Dương Thị Tr không có quan hệ họ hàng, ruột thịt. Ông không rõ việc vay nợ giữa bà Trang với ông Lê T nhưng khoảng 2 lần bà Trang đưa cho ông tiền, mỗi lần 2.000.000 đồng, nói ông đưa giùm cho ông Lê T để trả tiền cho bà. Ông đến tận nhà của ông Lê T, đưa cho ông T tiền, thời gian đưa thì không nhớ rõ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc cũng như xét xử tại Tòa án. Những gì ông biết đã trình bày cụ thể, không biết gì thêm. Ông xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những gì đã trình bày trước Tòa.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Đinh Duy Quốc T1vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Dương Thị Tr phải trả số tiền 95.000.000 đồng và 23 (Hai mươi ba) chỉ vàng y 9999. Rút phần yêu cầu bà Dương Thị Tr và ông Đinh Duy Quốc T1phải trả 4 (Bốn) chỉ vàng y 9999 vì bị đơn đã trả cho ông. Lãi suất đối với số tiền 95.000.000 đồng là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi bị đơn trả xong nợ. Đối với 23 chỉ vàng y 9999 thì yêu cầu bị đơn trả, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Đinh Duy Quốc T1vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Dương Thị Tr phải trả số nợ gốc 95.000.000 đồng và lãi vay theo quy định pháp luật là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện 12/10/2021 cho đến khi trả hết nợ. Buộc bị đơn Dương Thị Tr phải trả cho nguyên đơn 23 chỉ vàng y theo Giấy nhận nợ đã ký kết giữa các bên. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu bà Tr và ông T1 trả 04 chỉ vàng 9999. Bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí do bà là người cao tuổi do đó đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Dương Thị Tr phải trả 23 chỉ vàng và số tiền 95.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn Dương Thị Tr và Đinh Duy Quốc T1phải trả 04 chỉ vàng. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Dương Thị Tr và Đinh Duy Quốc T1có địa chỉ thường trú tại Đường Y, Khu phố M, phường P, Tp. T, tỉnh Phú Yên . Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Đinh Duy Quốc T1vắng mặt không rõ lý do, người làm chứng Phạm Thị Diễm Tr1, Lê D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đinh Duy Quốc T1và những người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Đinh Duy Quốc T1 phải cùng có trách nhiệm với bà Dương Thị Tr trả nợ đối với số vàng 04 chỉ vàng 9999 đã vay của ông Lê T. Nay ông T1, bà Tr đã trả được 4 chỉ vàng nên ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Tr và ông T1 đối với số nợ 04 chỉ vàng 9999 này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là tự nguyện, không trái luật nên chấp nhận.

[4] Nguyên đơn ông Lê T yêu cầu bà Dương Thị Tr phải trả 23 chỉ vàng 9999 theo các giấy mượn ngày 25/4/2020 mượn 02 (Hai) chỉ vàng 9999; Ngày 03/5/2020 mượn 15 (Mười lăm) chỉ vàng 9999; cùng trong ngày này mượn tiếp 03 (Ba) chỉ vàng 9999; Ngày 10/5/2020 mượn 02 (Hai) chỉ vàng 9999; Ngày 21/5/2020 mượn 01 (Một) chỉ vàng 9999. Bà Trang thừa nhận vay nợ ông Lê T số vàng này, đến nay chưa trả. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Tr phải trả cho nguyên đơn T 23 chỉ vàng 9999. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xét.

[5] Đối với số tiền 95.000.000 đồng: Theo các giấy mượn tiền bản gốc ông T

cung cấp thể hiện ngày 03/5/2020 mượn 41.000.000 đồng; cùng trong ngày này mượn tiếp 5.000.000 đồng; ngày 18/5/2020 viết giấy mượn ghi cụ thể gồm: (ngày 03/5/2020 mượn 10.000.000 đồng, ngày 15/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; ngày 16/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; ngày 18/5 mượn 10.000.000 đồng); ngày 19/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; ngày 31/5/2020 mượn 5.000.000 đồng; ngày 31/5/2020 mượn 13.000.000 đồng. Tổng số tiền theo các giấy mượn tiền nêu trên là 99.000.000 đồng. Ông T đồng ý trừ 4.000.000 đồng bà Trang đã trả trước đó vào nợ gốc, bị đơn cũng thống nhất nợ. Như vậy, giữa hai bên có xác lập giao dịch vay tài sản, thống nhất khoản nợ là 95.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận đến nay vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng chưa trả. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Dương Thị Tr phải có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng.

[6] Lãi suất đối với số nợ 95.000.000 đồng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi đối với số tiền 95.000.000 đồng từ ngày khởi kiện ngày 12/10/2021, lãi suất 10% /năm cho đến khi bị đơn trả nợ xong. Xét bị đơn thừa nhận nợ, thống nhất mức lãi suất và thời gian tính lãi. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì lãi đối với số nợ 95.000.000 đồng được tính cụ thể như sau:

Lãi trên nợ gốc quá hạn (Từ ngày 12/10/2021 đến ngày 26/4/2022) = 95.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 6 tháng 14 ngày = 4.750.000 đồng + 369.444 đồng = 5.119.444 đồng.

Như vậy số tiền gốc và lãi bà Dương Thị Tr phải trả cho ông Lê T tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2022 là 100.119.444 đồng trong đó nợ gốc là 95.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.119.444 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Dương Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 100.119.444 đồng và 23 chỉ vàng 9999 phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bà Dương Thị Tr sinh năm 1960 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Xét phù hợp quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn Trang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,

lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê T; buộc bị đơn Dương Thị Tr phải trả cho nguyên đơn 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 9999 và số tiền 100.119.444 đồng (Một trăm triệu một trăm mười chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 95.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 5.119.444 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Dương Thị Tr và Đinh Duy Quốc T1phải trả 04 chỉ vàng y 9999 do nguyên đơn tự nguyện rút.

Về án phí: Bị đơn Dương Thị Tr được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên